SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN TÂM THẦN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 312 /TB-BVTTTG

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
MỜI CHÀO GIÁ
Gói thầu: Mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng giá kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Phòng Tổ chức hành chính, Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Trung A, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: 02733. 834437

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bảng báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Trung A, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá

- Từ 10 giờ 00 ngày 17 tháng 8 năm 2026 đến trước 16 giờ 00 ngày 23 tháng 8 năm 2026.

- Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá:

Bảng báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm:

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ Nam	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng.	Bộ	

		- Kiểu dáng: Áo blouse, cổ bẻ Danton, cài nút giữa, chiều dài áo ngang gối, dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, 3 nút, phía sau xẻ giữa tới ngang mông, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu, 2 túi chéo, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki trắng không thun hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77% ±1; Cotton 23 % ±1; - May đo theo size. 3. Mũ: - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo		23
2	Trang phục Bác sĩ Nữ	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ bẻ Danton, phía trước có 2 túi, 5 nút trước, chiều dài ngang gối, dài tay hoặc ngắn tay, phía sau xẻ giữa tới ngang mông, đính pass thắt lưng, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1;	Bộ	30

		Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in - May đo theo size 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu, 2 túi chéo. - Chất liệu: Kaki thun trắng loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1 - May đo theo size. 3. Mũ: - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo		
3	Trang phục Dược sĩ Nữ (Đại học)	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, 5 nút trước, chiều dài ngang gối, dài tay, phía sau xẻ giữa tới ngang mông, có khuy cài biển tên trên ngực trái.. - Chất liệu: Kate ford loại 1hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in - May đo theo size 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng.	Bộ	15

		- Kiểu dáng: Quần âu, 2 túi chéo. - Chất liệu: Kaki thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1 - May đo theo size. 3. Mũ: - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo		
4	Trang phục cử nhân điều dưỡng, Kỹ thuật viên, cử nhân tâm lý Nam	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2 ve , chiều dài áo ngang mông, cài nút giữa, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. (KTV xét nghiệm áo blouse tay dài) - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in. - May đotheo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki không thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1	Bộ	08

		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77% ±1; Cotton 23 % ±1; - May đo theo size. 3. Mũ - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.		
5	Trang phục cử nhân điều dưỡng, Kỹ thuật viên, cử nhân tâm lý Nữ	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, chiều dài áo ngang mông, cài nút giữa, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. (KTV xét nghiệm áo blouse tay dài) - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đươngcó các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. - Chất liệu: Kaki thun loại 1 hoặc tương đươngcó các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1 - May đo theo size. 3. Mũ - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Nón tròn có bo thun phía sau. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.	Bộ	80
6	Trang phục Điều dưỡng trung cấp, y	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ 2	Bộ	05

	sĩ Nam	ve , ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, cài nút giữa, phía trước có 2 túi, viền phối túi áo, tay áo và cổ áo màu xanh dương rộng 0,3 - 0,5cm, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki không thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77% ±1; Cotton 23 % ±1; - May đo theo size. 3. Mũ - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.		
7	Trang phục Điều dưỡng trung cấp, y sĩ Nữ	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve , ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, cài nút giữa, phía trước có 2 túi, viền phối túi áo, tay áo và cổ áo màu xanh dương rộng 0,3 - 0,5cm, in logo ở ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1;	Bộ	12

		Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu trắng. - Kiểu dáng: Quần âu không ly hoặc có ly, 2 túi chéo. - Chất liệu: Kaki thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1 - May đo theo size. 3. Mũ - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.		
8	Trang phục Hộ lý khoa lâm sàng, KSNK Nam	1. Áo: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ bẻ Danton, cài nút giữa, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 148 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 250 ±1; Ngang 266 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 894/S ±1; Ngang 882/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.9 ±0.1; Ngang -2.2 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki thun loại 1 hoặc tương đương có	Bộ	02

		các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 244 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 460 ±1; Ngang 346 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 820/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.5 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23% ±1; Spandex 3% ±1 - May đo theo size. 3. Mũ: - Màu sắc: theo màu sắc của áo. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.		
9	Trang phục Hộ lý khoa lâm sàng, KSNK Nữ	1. Áo: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay hoặc ngắn tay, cổ trái tim, cài nút giữa, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, in logo ở ngực trái, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 148 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 250 ±1; Ngang 266 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 894/S ±1; Ngang 882/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.9 ±0.1; Ngang -2.2 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly hoặc không ly, 2 túi chéo. - Chất liệu: Kaki thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 244 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 460 ±1; Ngang 346 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 820/S ±1 ; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.5 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23% ±1; Spandex 3%	Bộ	19

		±1 - May đo theo size. 3. Mũ: - Màu sắc: theo màu của áo. - Chất liệu: cùng chất liệu với vải áo.		
10	Trang phục nhân viên hành chính, kế toán, tổ chăm sóc khách hàng, tổ vi tính Nam	1. Áo: - Màu sắc: Màu trắng và màu xanh có sọc - Kiểu dáng: Áo sơ mi nam cổ đức, dài tay hoặc ngắn tay, cài nút giữa, chiều dài áo ngang mông, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate Ý hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 123 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 376 ±1; Ngang 316 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 874/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.5 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 25% ±1 - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: màu sẫm xanh và màu đen - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, có 2 túi sau. - Chất liệu: vải quần tây cao cấp hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 239 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 488 ±1; Ngang 356 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 1008/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.9 ±0.1; Ngang -0.3 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 18% ±1; Spandex 7% ±1 - May đo theo size.	Bộ	54
11	Trang phục nhân viên hành chính, kế toán, tổ chăm sóc khách hàng, tổ vi tính Nữ	1. Áo: - Màu sắc: màu trắng và màu xanh có sọc - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức dài tay hoặc ngắn tay, cài nút giữa, chiều dài áo ngang mông, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate Ý hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 123 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 376 ±1; Ngang 316 ±1	Bộ	108

		+ Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 874/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.5 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 25% ±1 - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: màu sẫm xanh và màu đen - Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. - Chất liệu: vải quần cotton lạnh hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 244 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ±1; Ngang 368 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 1066/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.4 ±0.1; Ngang 0.0 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 78% ±1; Rayon 15% ±1; Spandex 7% ±1 - May đo theo size.		
12	Trang phục nhân viên bảo trì Nam	1. Áo: - Màu sắc: màu xanh đen - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xác hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, cài nút giữa, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 137 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 250 ±1; Ngang 256 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 862/S ±1; Ngang 858/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.8 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: xanh đen và đen - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki không thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau:		03

		+ Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 397 ±1; Ngang 292 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 20% ±1; Spandex 5% ±1 - May đo theo size.		
13	Trang phục nhân viên bảo vệ	1. Áo: - Màu sắc: màu xanh coban - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xác hoặc lơ vê, chiều dài áo ngang mông bo lai, có 2 cầu vai, 2 túi có nắp, cài nút giữa, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 125 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 376 ±1; Ngang 324 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 800/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 25% ±1 - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: xanh đen và đen - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki không thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 397 ±1; Ngang 292 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 20% ±1; Spandex 5% ±1 - May đo theo size.	Bộ	06
14	Trang phục	1. Áo:	Bộ	03

	nhân viên tài xế nam	- Màu sắc: màu xanh đen - Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xác hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, cài nút giữa, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Chất liệu: Kate ford loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 137 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 250 ±1; Ngang 256 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 862/S ±1; Ngang 858/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.8 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Logo in. - May đo theo size. 2. Quần: - Màu sắc: xanh đen và đen - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Chất liệu: Kaki không thun loại 1 hoặc tương đương có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 397 ±1; Ngang 292 ±1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 20% ±1; Spandex 5% ±1 - May đo theo size.		
Tổng cộng			**Bộ**	**368**

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được giao tại Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang. Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp Trung A, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các khoản điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng thanh toán.

5. Giá chào là đồng Việt Nam đã bao gồm thuế, lệ phí và tất cả các chi phí (vận chuyển, lưu kho, hướng dẫn sử dụng...)

Báo giá được đăng tải tại trang http://benhvientamthantg.gov.vn

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, Tổ mua sắm, HSMS.

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Kính